

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST

Ngày: 13-8-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Kiến Quốc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Nguyễn Văn Bé**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Linh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS, ngày 15 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại huyện T, tỉnh TV; Nơi cư trú: ấp C, xã TN, huyện T, tỉnh TV; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; Có vợ và 02 người con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2020 cho đến nay. (có mặt)

*Bị hại:*

Chị **Trần Thị Nhật T**, sinh năm 1996 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TTĐ, xã TH, huyện T, tỉnh TV.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1974 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã TN, huyện T, tỉnh TV.

*Người làm chứng:*

Bà **Võ Thị a**, sinh năm 1971 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TTĐ, xã TH, huyện T, tỉnh TV.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 15/01/2020, bị cáo Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 84E1-151.53 chở vợ là Trần Thị Th đi làm thuê. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo dừng xe cho bà Th đi chợ TH, còn bị cáo ghé vào quán hủ tiếu của gia đình chị Trần Thị Nhật T tại ấp TTĐ, xã TH, huyện T, tỉnh TV để ăn sáng. Khi vào quán ăn, bị cáo mua một tô hủ tiếu, sau đó mẹ ruột của chị T là bà Võ Thị a đem hủ tiếu ra cho bị cáo, do không có rau nên bị cáo đi đến chỗ bà a đang đứng nấu hủ tiếu để lấy rau. Khi vào lấy rau, bị cáo phát hiện 01 (một) điện thoại di động để trong tủ kính trưng bày nước uống đóng chai, nhưng không có khóa nên bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại trên. Khi đó, bà a đứng xoay người ra hướng lộ nhựa để bán cho khách, còn chị T đang nướng thịt cách tủ kính để điện thoại khoảng 04 mét. Sau khi quan sát, bị cáo lấy rau xong rồi lén lút lấy trộm điện thoại di động trên bỏ vào túi quần bên phải để cất giấu và đi ra bàn ăn hủ tiếu. Sau khi ăn sáng xong, bị cáo điều khiển xe đến đón vợ đến chỗ làm thuê tại ấp CM, xã TH, huyện T, tỉnh TV. Sau đó, chị T phát hiện bị mất trộm điện thoại nên đã trình báo Công an xã Tân Hòa. Đồng thời, Công an xã Tân Hòa đến nơi bị cáo làm thuê và phát hiện bị cáo còn cất giấu trong người điện thoại của chị T. Qua làm việc, bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị T và đã giao nộp tài sản đã lấy trộm.

Về vật chứng vụ án: Thu giữ 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64Gb, Ram 3Gb, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 08/KL.HĐ ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64Gb, Ram 3Gb, máy đã qua sử dụng theo giá thị trường tại thời điểm ngày 15/01/2020 có giá trị thành tiền là 6.745.000 đồng.

- 01 (một) ốp lưng, bằng nhựa dùng cho điện thoại Iphone 8 Plus có giá 50.000 đồng/cái.

- 01 (một) sim điện thoại di động, mạng Viettel theo giá thị trường 50.000 đồng/sim.

- 02 (hai) tấm kính cường lực dùng cho điện thoại Iphone 8 Plus có giá 150.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 6.995.000 đồng. Do chiếc điện thoại di động trên của chị T lúc bị mất trộm đang sử dụng thẻ sim số thuê bao 0347.161.484, số tiền còn trong tài khoản sim là 60.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo M đã thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 15/01/2020 của chị T là 7.055.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

*Phản tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại chị Trần Thị Nhật T không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Trần Thị Nhật T 01 (một) điện thoại đi động, hiệu Iphone 8 Plus nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Bị cáo Nguyễn Văn M phát biểu tranh luận:* Bị cáo thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đã ăn năn, hối hận việc mình làm, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị Trần Thị Nhật T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Th và người làm chứng bà Võ Thị a đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và những người nêu trên đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/01/2020 bị cáo có lên lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại đi động, hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64Gb, Ram 3Gb, đã qua sử dụng của bị hại với tổng giá trị là 7.055.000 đồng đúng như cáo trạng truy tố.

[4] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/01/2020 tại ấp TTĐ, xã TH, huyện T, tỉnh TV bị cáo Nguyễn Văn M đã lên lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 (một) điện thoại

đi động, hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64Gb, Ram 3Gb, đã qua sử dụng của bị hại với tổng giá trị là 7.055.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét tội phạm mà bị cáo thực hiện tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật tôn trọng, bảo vệ. Trong thời gian gần đây trên địa bàn huyện T tình hình trộm cắp tài sản diễn ra rất phức tạp, để góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện nên cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có người thân có công với cách mạng; bị cáo có trình độ học vấn thấp; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có trên 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Nhật T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Trần Thị Nhật T 01 (một) điện thoại đi động, hiệu Iphone 8 Plus nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T, tỉnh TV giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại chị Trần Thị Nhật T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:** Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Trần Thị Nhật T 01 (một) điện thoại đi động, hiệu Iphone 8 Plus nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- THAHS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tập Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Kiến Quốc**